

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/KDTM-ST

Ngày: 11-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Công Danh;
2. Ông Trần Văn Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T3 Toàn T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Kim C – Giám đốc.

Địa chỉ: Số C Quốc lộ A, Khu phố I, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Lê Thanh T1, sinh năm 1973. (yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Kim T2 – Giám đốc.

Địa chỉ: Số D, Quốc lộ A, Khu phố I, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH T3 do ông Phan Lê Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/7/2024, Công ty TNHH T3 (sau đây gọi tắt là Công ty T3) có bán hàng hóa cho Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty S) theo các hóa đơn giao hàng cụ thể như sau:

1. Hóa đơn số 24070072KP9 ngày 11/7/2024 bao gồm những mặt hàng: 06 cái phễu tôn 90 với số tiền là 90.000 đồng; 41,9 mét tôn thẳng Đông Á màu xanh dương tím với số tiền là 4.692.800 đồng; 227,62 mét tôn lợp Đông Á màu xanh dương tím với số tiền là 25.493.440 đồng; phí gia công với số tiền 395.000 đồng, tổng cộng là 30.671.240 đồng.

2. Hóa đơn số 24070073KP9 ngày 11/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 60 cây hộp 40*80*1,4 ly với số tiền là 17.280.000 đồng; 08 cây sắt I250*125*06m với số tiền 29.800.000 đồng; 03kg keo nước với số tiền là 460.200 đồng; 08 cái co nhựa 90 với số tiền là 208.000 đồng; 01kg nước sơn với số tiền là 152.000 đồng; 02 hộp que hàn với số tiền là 170.000 đồng; 05 cây Silicon Appolo A300 với số tiền là 365.000 đồng; 11 ống nhựa tròn 90*2,6 ly, nhựa B với số tiền là 2.772.000 đồng; 20 cây V50 (12- 13)*06m với số tiền là 4.360.000 đồng; 800 con vít tôn 04 phân với số tiền là 344.000 đồng; 200 con vít dùi 02 phân với số tiền là 60.000 đồng. Tổng số tiền 55.971.200 đồng. Tổng tiền nợ đến ngày 11/7/2024 là 86.642.440 đồng.

Ngày 12/7/2024, Công ty S có chuyển khoản trả số tiền là 30.000.000 đồng. Tổng nợ đến ngày 13/07/2024 là 56.642.440 đồng.

Ngày 19/7/2024, Công ty S có chuyển khoản trả số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng tiền nợ đến ngày 20/07/2024 là 36.642.440 đồng.

3. Hóa đơn số 24070108KP9 ngày 17/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 26 mét tôn thẳng Đông Á màu xanh dương tím với số tiền là 2.912.000 đồng; 71,78 mét tôn lợp Đông Á màu xanh dương tím với số tiền là 8.039.360 đồng. Tổng cộng là 10.951.360 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ đến ngày 17/7/2024 là 47.593.800 đồng.

4. Hóa đơn số 24070109KP9 ngày 18/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 37,8 mét xà gồ C200*50*02 ly với số tiền là 3.560.760 đồng.

5. Hóa đơn số 24070110KP9 ngày 18/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 05 cây V50 (12- 13)*06m với số tiền là 1.090.000 đồng.

6. Hóa đơn số 24070123KP9 ngày 20/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 05 cây sắt hộp 30*60*1,4 ly với số tiền là 1.075.000 đồng; 25 cây sắt hộp 40*80*1,4 ly với số tiền là 7.200.000 đồng. Tổng cộng là 8.275.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ đến ngày 20/07/2024 là 60.519.560 đồng.

7. Hóa đơn số 24070145KP9 ngày 23/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 13,4 mét tôn lợp Đông Á màu xanh dương tím với số tiền là 1.621.400 đồng; 06 mét tôn phẳng màu xanh dương tím với số tiền là 726.000 đồng. Tổng cộng 2.347.400 đồng.

Tổng số tiền nợ đến ngày 23/07/2024 là 62.866.960 đồng.

Ngày 07/9/2024, [Công ty S](#) có chuyển trả cho [Công ty T3](#) số tiền là 10.000.000 đồng.

Ngày 30/09/2024, [Công ty S](#) có chuyển trả qua tài khoản cho [Công ty T3](#) số tiền là 10.000.000 đồng.

Sau đó, [Công ty S](#) không trả nợ, mặc dù [Công ty T3](#) đã yêu cầu nhiều lần. Do đó, [Công ty T3](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc [Công ty S](#) trả cho [Công ty T3](#) số tiền 42.866.960 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là [Công ty Cổ phần S](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng [Công ty S](#) đều vắng mặt không có lý do. [C1](#) cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của công ty đối với yêu cầu khởi kiện của [Công ty T3](#). Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: [Công ty T3](#) khởi kiện yêu cầu [Công ty S](#) có nghĩa vụ thanh toán cho [Công ty T3](#) số tiền 42.866.960 đồng theo hợp đồng mua bán hàng hóa. [Công ty S](#) có địa chỉ trụ sở tại [Số D, Quốc lộ A, Khu phố I, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An](#). Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là [Công ty T3](#) đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là [Công ty S](#) được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt [Công ty T3](#) và [Công ty S](#).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của [Công ty T3](#) thấy rằng:

[3.1] Về số tiền gốc chưa thanh toán: Theo hồ sơ thể hiện, [Công ty T3](#) và [Công ty S](#) có ký kết các Hợp đồng mua bán hàng hóa theo các Hóa đơn hóa số 24070072KP9 ngày 11/7/2024, số 24070073KP9 ngày 11/7/2024, số 24070108KP9 ngày 12/7/2024, số 24070109KP9 ngày 17/7/2024, số 24070110KP9 ngày 18/7/2024, số 24070123KP9 ngày 20/7/2024, số 24070145KP9 ngày 23/7/2024 với số tiền tổng cộng là 112.866.032 đồng, cụ thể:

1. Hóa đơn số 24070072KP9 ngày 11/7/2024 bao gồm những mặt hàng: 06 cái phễu tôn 90 với số tiền là 90.000 đồng; 41,9 mét tôn thẳng Đông Á màu xanh dương tím với số tiền là 4.692.800 đồng; 227,62 mét tôn lợp Đông Á màu xanh dương tím với số tiền là 25.493.440 đồng; phí gia công với số tiền 395.000 đồng, tổng cộng là 30.671.240 đồng.

2. Hóa đơn số 24070073KP9 ngày 11/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 60 cây hộp 40*80*1,4 ly với số tiền là 17.280.000 đồng; 08 cây sắt I250*125*06m với số tiền 29.800.000 đồng; 03kg keo nước với số tiền là 460.200 đồng; 08 cái co nhựa 90 với số tiền là 208.000 đồng; 01kg nước sơn với số tiền là 152.000 đồng; 02 hộp que hàn với số tiền là 170.000 đồng; 05 cây Silicon Appolo A300 với số tiền là 365.000 đồng; 11 ống nhựa tròn 90*2,6 ly, [nhựa B](#) với số tiền là 2.772.000 đồng; 20 cây V50 (12- 13)*06m với số tiền là 4.360.000 đồng; 800 con vít tôn 04 phân với số tiền là 344.000 đồng; 200 con vít dùi 02 phân với số tiền là 60.000 đồng. Tổng số tiền 55.971.200 đồng.

3. Hóa đơn số 24070108KP9 ngày 17/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 26 mét tôn thẳng Đông Á màu xanh dương tím với số tiền là 2.912.000 đồng; 71,78 mét tôn lợp Đông Á màu xanh dương tím với số tiền là 8.039.360 đồng. Tổng cộng là 10.951.360 đồng.

4. Hóa đơn số 24070109KP9 ngày 18/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 37,8 mét xà gồ C200*50*02 ly với số tiền là 3.560.760 đồng.

5. Hóa đơn số 24070110KP9 ngày 18/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 05 cây V50 (12- 13)*06m với số tiền là 1.090.000 đồng.

6. Hóa đơn số 24070123KP9 ngày 20/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 05 cây sắt hộp 30*60*1,4 ly với số tiền là 1.075.000 đồng; 25 cây sắt hộp 40*80*1,4 ly với số tiền là 7.200.000 đồng. Tổng cộng là 8.275.000 đồng.

7. Hóa đơn số 24070145KP9 ngày 23/7/2024, bao gồm những mặt hàng: 13,4 mét tôn lợp Đông Á màu xanh dương tím với số tiền là 1.621.400 đồng; 06 mét tôn phẳng màu xanh dương tím với số tiền là 726.000 đồng. Tổng cộng 2.347.400 đồng.

Như vậy, tổng số tiền [Công ty Cổ phần S](#) phải thanh toán cho [Công ty TNHH T3 T](#) là 112.866.960 đồng.

Nguyên đơn là [Công ty T3](#) xác định [Công ty S](#) có thanh toán tiền thành nhiều đợt, gồm: Ngày 12/7/2024, [Công ty S](#) có chuyển khoản trả số tiền là 30.000.000 đồng; ngày 19/7/2024, chuyển khoản trả số tiền là 20.000.000 đồng; ngày 07/09/2024, chuyển trả số tiền là 10.000.000 đồng; ngày 30/09/2024, chuyển trả số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán là 70.000.000 đồng. Hiện tại, [Công ty S](#) còn nợ [Công ty T3](#) số tiền 42.866.960 đồng. [Công ty T3](#) đã nhiều lần liên hệ yêu cầu [Công ty S](#) thanh toán số tiền còn thiếu nhưng Công ty không thực hiện.

[Công ty S](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng [Công ty S](#) đều vắng mặt không có lý do. [Công ty S](#) cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của công ty đối với yêu cầu khởi kiện của [Công ty T3](#).

Thấy rằng, [Công ty T3](#) đã thực hiện nghĩa vụ đúng và đầy đủ nội dung của hợp đồng đối với [Công ty S](#). [Công ty S](#) còn nợ [Công ty T3](#) là 42.866.960 đồng tiền gốc. Bị đơn là [Công ty S](#) không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho [Công ty T3](#). Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, [Công ty T3](#) yêu cầu [Công ty S](#) phải thanh toán số nợ gốc là 42.866.960 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn là [Công ty T3](#) không yêu cầu tính lãi với các hợp đồng mua bán nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của [Công ty T3](#).

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc [Công ty S](#) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của [Công ty T3](#) được Tòa án chấp nhận là $42.866.960 \text{ đồng} \times 5\% = 2.143.348 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 50, 55 và 306 Luật Thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH T3](#) - SX Toàn Tâm đối với [Công ty Cổ phần S](#).

Buộc [Công ty Cổ phần S](#) có nghĩa vụ trả cho [Công ty TNHH T3](#) - SX Toàn Tâm số tiền 42.866.960 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc [Công ty Cổ phần S](#) phải chịu 2.143.348 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho [Công ty TNHH T3](#) - SX Toàn T số tiền tạm ứng án phí là 1.071.000 đồng, đã nộp theo Biên lai thu số 0007524 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm